



CẬP NHẬT QUÝ

CTCP Nhựa Bình Minh (BMP: HOSE)

Giá mục tiêu: 168.500 Đồng

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**

Tăng giá: 12,8%

Ngày 14/08/2026



Sản lượng tiêu thụ giảm; Biên lợi nhuận ổn định nhờ tăng giá bán và mở rộng sang các dự án hạ tầng

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá mục tiêu 1 năm là **168.500 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá là 12,8% (P/E dự phóng năm 2026 là 9,66x, hay E/P đạt 10,4%). Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm tích cực đối với BMP, chủ yếu nhờ triển vọng tăng giá bán bình quân và chi phí đầu vào giảm, dù sản lượng tiêu thụ còn yếu trong ngắn hạn.

Luận điểm đầu tư

- Việc tăng giá bán góp phần củng cố biên lợi nhuận.** BMP đã tăng giá bán các sản phẩm PVC trung bình khoảng 15% kể từ đầu tháng 4/2026 do chi phí hạt nhựa PVC tăng mạnh. Khi căng thẳng tại Trung Đông dần ổn định và chi phí đầu vào giảm về vùng trước xung đột, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp của BMP sẽ cải thiện trong trung hạn, tương tự giai đoạn sau COVID.
- Các dự án hạ tầng mở ra động lực tăng trưởng mới.** Việc BMP chuyển hướng tập trung sang các dự án hạ tầng quy mô lớn dự kiến sẽ hỗ trợ tăng trưởng sản lượng, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế theo quy mô và giảm chi phí bán hàng, góp phần cải thiện biên lợi nhuận.
- Chính sách cổ tức cao và ổn định.** BMP có tỷ lệ chi trả cổ tức ổn định lên tới 99%, tương ứng lợi suất cổ tức gần 10%.

Yếu tố hỗ trợ

- Tiến độ xây dựng của thị trường bất động sản nhà ở trong nước tiếp tục cải thiện.
- Chi phí nhựa PVC đầu vào đang điều chỉnh từ mức đỉnh.
- Các nỗ lực mở rộng thị trường giúp cải thiện triển vọng tăng trưởng sản lượng trong dài hạn.
- Chiến lược quản trị ưu tiên biên lợi nhuận cùng với mức cổ tức cao góp phần ổn định lợi nhuận cho cổ đông.

Rủi ro: (1) **Nhu cầu yếu:** Nhu cầu nội địa không hấp thụ được mức tăng giá bán, khiến doanh nghiệp phải giảm giá hoặc tăng chiết khấu. (2) **Biến động chi phí đầu vào:** Bất ổn địa chính trị toàn cầu khiến chi phí đầu vào duy trì ở mức cao. (3) **Khó khăn trong việc mở rộng thị trường** gây ảnh hưởng đến tăng trưởng sản lượng trong dài hạn. (4) **Thay đổi chính sách cổ tức:** Việc tỷ lệ chi trả cổ tức giảm đáng kể có thể ảnh hưởng đến lợi suất của cổ phiếu.

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu	5.157	4.616	5.510	6.258
% Tăng trưởng doanh thu	-11,2%	-10,5%	19,4%	13,6%
Lợi nhuận gộp	2.116	1.989	2.540	2.983
NPATMI	1.041	991	1.229	1.442
EPS (VND)	12.717	12.103	15.010	17.445
% Tăng trưởng EPS	49,9%	-4,8%	24,0%	16,2%
EV/EBITDA	4,45	6,56	7,55	6,45
D/E (x)	0,02	0,02	0,02	0,02
Tỷ suất cổ tức	12,1%	9,2%	6,9%	9,9%
ROE	39,2%	36,8%	44,0%	48,4%
P/E (x)	8,20	10,83	11,66	8,51
P/B (x)	3,17	3,97	4,98	3,94

Nguồn: BMP, SSI Research

Đào Minh Châu

Phó giám đốc TTPT

chaudm@ssi.com.vn

Giá CP - VND (13/08/26):	149.400
Vốn hóa (triệu USD):	465
SLCP lưu hành (triệu cp):	82
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	0,1
Giá cao/thấp 52T (k VND):	178,6/114,6
GTGD TB 3 tháng (triệu USD):	0,8
Tỷ lệ SHNN (%):	82,4
GTNN còn được mua (triệu USD):	81,8
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0,0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

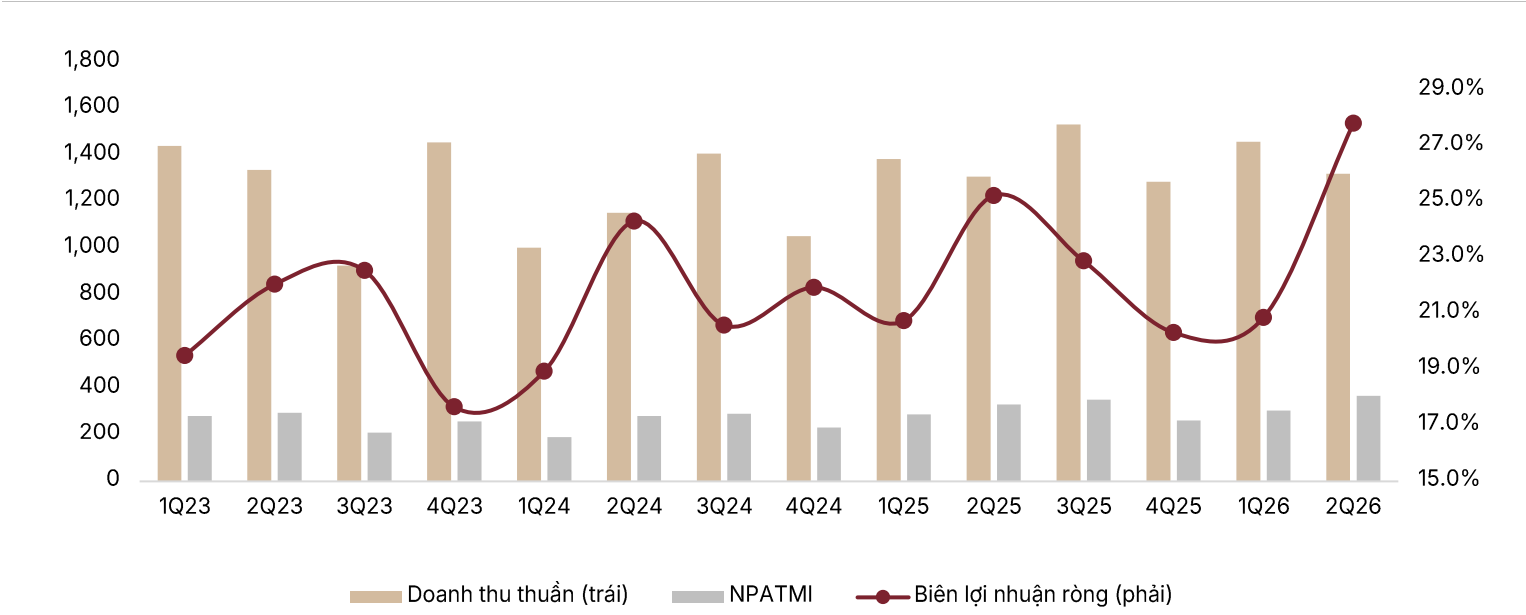
Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập vào năm 1977, BMP là nhà sản xuất ống nhựa dẫn đầu ở miền Nam Việt Nam với 50% thị phần trong khu vực và 28% trên cả nước. Công ty niêm yết tại HOSE kể từ năm 2006 với vốn điều lệ là 107 tỷ đồng, tăng lên 455 tỷ đồng vào năm 2013 và 819 tỷ đồng vào năm 2017. Công ty chủ yếu hoạt động tại thị trường miền Nam và có chi nhánh tại miền Bắc.

Tỷ đồng	2Q26	2Q25	YoY	1Q26	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận				
							2Q26	2Q25	1Q26	2024	2025
Doanh thu thuần	1.320	1.308	0,9%	1.457	-9,5%	46%					
Lợi nhuận gộp	617	611	1,0%	688	-10,4%		46,7%	46,7%	47,2%	43,1%	46,1%
Lợi nhuận hoạt động	458	412	11,2%	379	20,9%		34,7%	31,5%	26,0%	26,6%	27,9%
EBIT	459	412	11,3%	380	20,8%		34,8%	31,5%	26,1%	26,9%	27,9%
EBITDA	485	435	11,6%	404	20,0%		36,8%	33,2%	27,7%	29,3%	29,6%
Lợi nhuận trước thuế	459	412	11,3%	380	20,8%		34,8%	31,5%	26,1%	26,9%	27,9%
Lợi nhuận ròng	367	330	11,3%	304	20,8%	42%	27,8%	25,2%	20,9%	21,5%	22,3%
Lợi nhuận ròng cổ đồng công ty mẹ	367	330	11,3%	304	20,8%		27,8%	25,2%	20,9%	21,5%	22,3%

Nguồn: BMP, SSI Research

Doanh thu thuần, NPATMI (tỷ đồng) và biên lợi nhuận ròng (%)



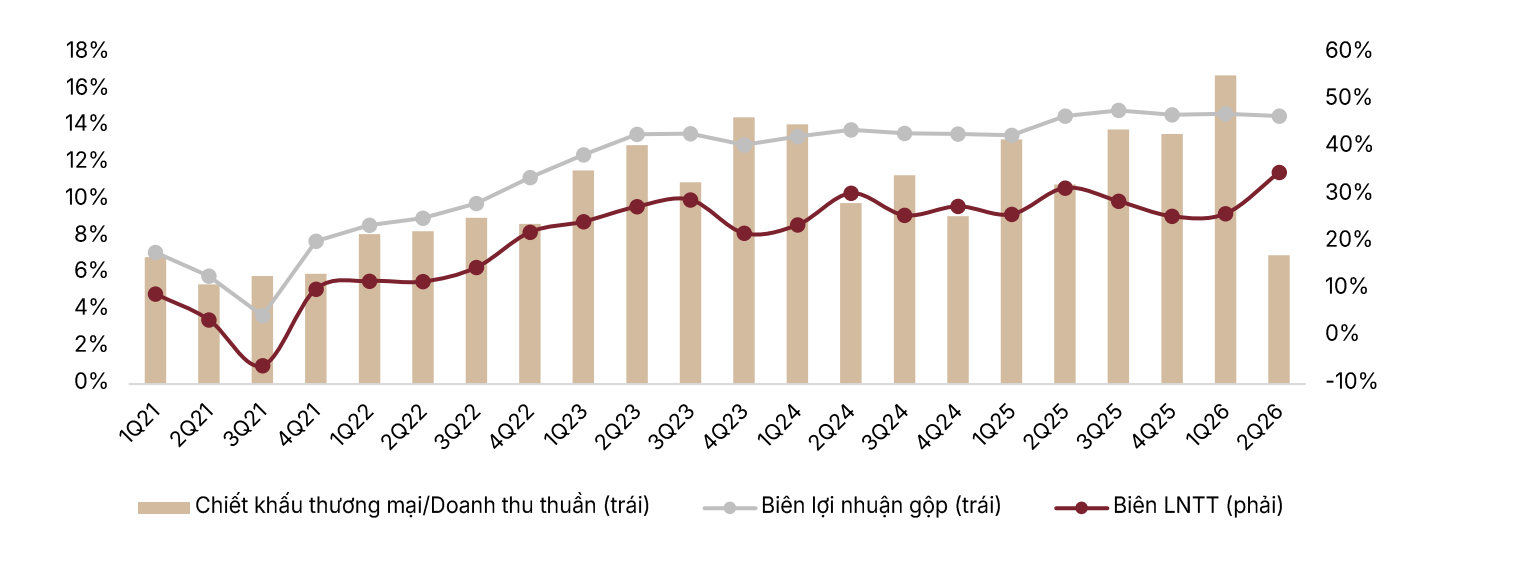
Nguồn: BMP, SSI Research

KQKD Q2/2026 của BMP tích cực trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức. Doanh thu thuần Q2/2026 đạt 1.320 tỷ đồng, đi ngang svck. Lũy kế 6T2026, doanh thu thuần đạt 2.777 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,2% svck, hoàn thành khoảng 46% kế hoạch doanh thu năm 2026. Theo chia sẻ từ Ban lãnh đạo tại cuộc họp CVPT ngày 24/07, chúng tôi ước tính kết quả này chủ yếu đến từ giá bán bình quân tăng khoảng 10-12% trong Q2/2026, góp phần bù đắp nhu cầu thị trường suy yếu trong quý, đặc biệt là nhu cầu đối với ống nhựa và phụ kiện ống trong chu kỳ xây dựng hiện nay. BMP cho biết tổng nhu cầu toàn thị trường trong 6T2026 giảm 9% svck, trong khi BMP vẫn ghi nhận tăng trưởng sản lượng 1,2% svck.

Bên cạnh việc điều chỉnh giá bán, **những nỗ lực kiểm soát chi phí của BMP (với sự hỗ trợ từ SCG) đã giúp công ty duy trì biên lợi nhuận gộp ở mức 46,7%** (-50 điểm cơ bản so với quý trước, đi ngang svck). Theo Tổng Giám đốc, trong Q2/2026, công ty đã từng bước chuyển hướng sang các dự án hạ tầng. Thông thường, giá bán dành cho các dự án hạ tầng quy mô lớn thường thấp hơn so với các dự án khác, nhưng giúp đảm bảo tăng trưởng sản lượng ổn định hơn. Với tỷ trọng doanh thu từ các dự án hạ tầng gia tăng, trong đó phần lớn là các sản phẩm ống nhựa có biên lợi nhuận thấp hơn, chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận gộp của BMP khó có thể cải thiện đáng kể từ mức hiện nay.

Trong khi đó, việc gia tăng tỷ trọng bán hàng theo dự án có thể giúp giảm chi phí bán hàng, nhờ mức hoa hồng thấp hơn so với mạng lưới phân phối bán lẻ và hiệu quả kinh tế theo quy mô. Trong Q2/2026, chi phí chiết khấu thương mại (bao gồm các khoản thuộc chi phí bán hàng và chi phí tài chính) giảm 35% svck; tính trên doanh thu thuần, tỷ lệ này giảm 224 điểm cơ bản svck và giảm mạnh 980 điểm cơ bản so với quý trước, xuống còn 7% doanh thu thuần. Nhờ đó, biên lợi nhuận trước thuế của BMP tăng đáng kể, đạt 34,8%, tăng 330 điểm cơ bản svck và 870 điểm cơ bản so với quý trước.

Biên lợi nhuận gộp, Chiết khấu thương mại/Doanh thu, và biên lợi nhuận ròng (%)

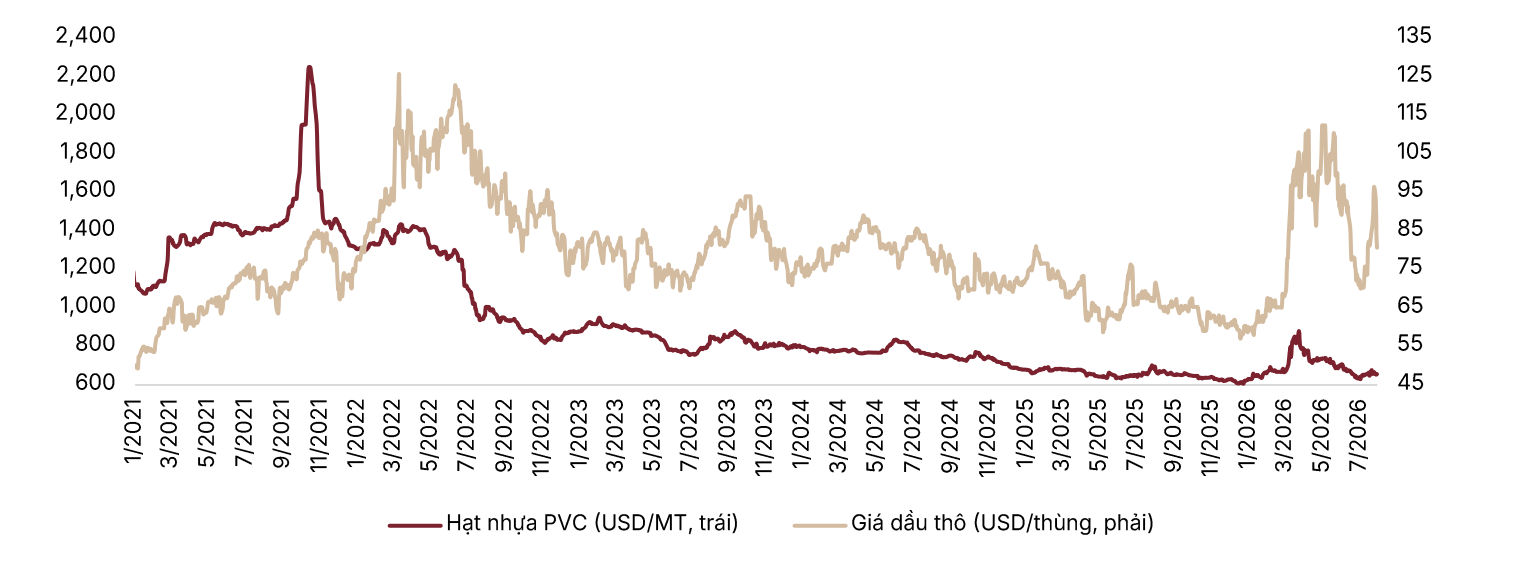


Nguồn: BMP, SSI Research

Theo đó, BMP ghi nhận **lợi nhuận ròng trong Q2/2026 đạt 367 tỷ đồng**, tăng 11,3% svck và 20,8% so với quý trước, tương đương biên lợi nhuận ròng đạt 27,8% (+260 điểm cơ bản svck và 690 điểm cơ bản so với quý trước). Lũy kế 6T2026, lợi nhuận sau thuế đạt 671 tỷ đồng, tăng 8,8% svck, trong khi biên lợi nhuận ròng đạt 24,2%, tăng 130 điểm cơ bản svck. Như vậy, mặc dù biên lợi nhuận gộp duy trì ổn định nhờ việc tăng giá bán, phần lớn mức cải thiện ở biên lợi nhuận ròng đến từ các biện pháp kiểm soát chi phí đã đề cập ở trên.

Giá nhựa PVC bình quân trong Q2/2026 đạt 920 USD/tấn, tăng khoảng 30% svck. Trong tháng 7, giá nhựa PVC bình quân đã giảm xuống còn 655 USD/tấn, sau khi chạm xuống khoảng 630 USD/tấn vào cuối tháng 6. Chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng với giả định mức độ bất ổn từ các diễn biến địa chính trị toàn cầu sẽ còn ở mức cao. Tuy nhiên, KQKD Q2/2026 của BMP cho thấy triển vọng chi phí hạt nhựa đầu vào sẽ thuận lợi hơn trong thời gian tới, nhờ sự hỗ trợ từ SCG/NPI thông qua mạng lưới cung ứng linh hoạt, và giá dầu thô có xu hướng ổn định hơn.

Giá hạt nhựa PVC nhập khẩu (CFR) so với giá dầu thô



Nguồn: BMP, Sunsirs, SSI Research

Một rủi ro đáng chú ý trong Q3/2026 là khả năng giá dầu tăng mạnh trở lại cùng những lo ngại về nguồn cung do tình hình xung đột tại Trung Đông diễn biến khó lường. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc tăng cường bổ sung dự trữ dầu chiến lược cũng có thể khiến giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian lâu hơn dự kiến. Về phía cầu, quý 3 thường là giai đoạn nhu cầu mang tính mùa vụ tương đối chậm, do đó BMP có thể cân nhắc gia tăng các chương trình chiết khấu thương mại và khuyến mãi nhằm kích thích tiêu thụ sản phẩm.

Ngược lại, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tiêu thụ sẽ được hỗ trợ trong quý cuối năm, khi tiến độ giải ngân đầu tư công thường tăng tốc trong giai đoạn này. Với chiến lược chuyển dịch sang các dự án công và dự án hạ tầng, BMP dự kiến sẽ được hưởng lợi từ tăng trưởng đầu tư công.

Định giá và luận điểm đầu tư

KQDK Q2/2026 nhìn chung sát với kịch bản cơ sở trong báo cáo trước của chúng tôi. Trước diễn biến sản lượng tiêu thụ yếu hơn dự kiến trong quý, chúng tôi điều chỉnh giả định năm 2026 như sau: tăng trưởng sản lượng đạt 3,7%, giá bán bình quân tăng khoảng 10%, và chi phí hạt nhựa PVC tăng khoảng 8%. Do nhựa PVC chiếm khoảng 85% giá vốn hàng bán của BMP, mức tăng chi phí đầu vào này tương đương với việc giá vốn hàng bán tăng thêm khoảng 6,8%.

Chúng tôi cập nhật ước tính như sau:

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	5.157	4.616	5.510	6.258
% Tăng trưởng doanh thu thuần	-11,2%	-10,5%	19,4%	13,6%
Lợi nhuận gộp	2.116	1.989	2.540	2.983
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>41,0%</i>	<i>43,1%</i>	<i>46,1%</i>	<i>47,7%</i>
EBIT	1.307	1.241	1.539	1.803
EBITDA	1.479	1.352	1.631	1.921
Lợi nhuận trước thuế	1.307	1.241	1.539	1.803
% Tăng trưởng LNTT	50,0%	-5,1%	24,1%	17,2%
<i>Biên LNTT</i>	<i>25,3%</i>	<i>26,9%</i>	<i>27,9%</i>	<i>28,8%</i>
Thuế TNDN	(266)	(250)	(310)	(361)
<i>Thuế suất thuế TNDN</i>	<i>20,4%</i>	<i>20,1%</i>	<i>20,2%</i>	<i>20,0%</i>
NPATMI	1.041	991	1.229	1.442
% tăng trưởng NPATMI	49,9%	-4,8%	24,0%	17,4%
<i>Biên NPATMI</i>	<i>20,2%</i>	<i>21,5%</i>	<i>22,3%</i>	<i>23,1%</i>
EPS (VND)	12.717	12.103	15.010	17.445

Nguồn: BMP, SSI Research

Tại mức giá 148.500 đồng/cổ phiếu, BMP hiện đang giao dịch với P/E dự phóng 2026 là 8,51x, thấp hơn mức trung vị 10 năm là 11,25x. Mặc dù chúng tôi giảm dự báo doanh thu thuần năm 2026, dự báo lợi nhuận ròng gần như không đổi do việc kiểm soát chi phí đã bù đắp phần lớn tác động từ mức chính giảm doanh thu. Theo đó và với diễn biến giá cổ phiếu gần đây, chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với BMP với giá mục tiêu **168.500 đồng/cổ phiếu**, dựa trên phương pháp định giá DCF với WACC 12% và tốc độ tăng trưởng dài hạn (g) 1,0%. Mức giá mục tiêu này tương ứng với tiềm năng tăng giá **12,8%** và **P/E dự phóng 2026 là 9,66x** (tương đương E/P 10,4%).

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	821	504	297	222
+ Đầu tư ngắn hạn	1.190	1.410	1.760	1.885
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	174	178	129	125
+ Hàng tồn kho	364	464	525	589
+ Tài sản ngắn hạn khác	44	41	47	54
Tổng tài sản ngắn hạn	2.594	2.596	2.758	2.875
+ Các khoản phải thu dài hạn	20	20	20	17
+ GTCL Tài sản cố định	286	265	266	427
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	12	20	48	48
+ Đầu tư dài hạn	64	64	67	63
+ Tài sản dài hạn khác	279	236	219	257
Tổng tài sản dài hạn	661	604	620	812
Tổng tài sản	3.255	3.200	3.379	3.688
+ Nợ ngắn hạn	546	481	484	567
Trong đó: vay ngắn hạn	55	55	55	62
+ Nợ dài hạn	19	18	18	18
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	565	499	501	584
+ Vốn góp	819	819	819	819
+ Thặng dư vốn cổ phần	2	2	2	2
+ Lợi nhuận chưa phân phối	667	679	855	1.067
+ Quỹ khác	1.202	1.202	1.202	1.217
Vốn chủ sở hữu	2.690	2.702	2.877	3.104
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.255	3.200	3.379	3.688
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.603	901	1.219	1.409
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-174	-248	-382	-275
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-966	-970	-1.044	-1.209
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	463	-317	-207	-76
Tiền đầu kỳ	359	821	504	297
Tiền cuối kỳ	821	504	297	222
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	4,75	5,4	5,7	5,08
Hệ số thanh toán nhanh	4	4,35	4,52	3,94
Hệ số thanh toán tiền mặt	3,68	3,98	4,25	3,72
Nợ ròng / EBITDA	-0,36	-0,45	-0,21	-0,1
Khả năng thanh toán lãi vay	33.799	59.461	111.034	96.597
Ngày phải thu	14,4	10,3	6,4	4,6
Ngày phải trả	14,8	22,7	17,4	17,1
Ngày tồn kho	56,5	57,5	60,7	62,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,83	0,84	0,85	0,84
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,17	0,16	0,15	0,16
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,18	0,17	0,19
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02

Nguồn: BMP, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	5.157	4.616	5.510	6.258
Giá vốn hàng bán	-3.041	-2.627	-2.970	-3.275
Lợi nhuận gộp	2.116	1.989	2.540	2.983
Doanh thu hoạt động tài chính	119	79	102	65
Chi phí tài chính	-146	-162	-231	-263
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-676	-556	-711	-813
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-107	-120	-166	-175
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.304	1.229	1.535	1.797
Thu nhập khác	3	12	4	6
Lợi nhuận trước thuế	1.307	1.241	1.539	1.803
Lợi nhuận ròng	1.041	991	1.229	1.442
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.041	991	1.229	1.442
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	12.717	12.103	15.010	17.445
Giá trị sổ sách (VND)	32.857	33.004	35.151	37.912
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	12.600	12.000	12.000	15.000
EBIT	1.307	1.241	1.539	1.803
EBITDA	1.479	1.352	1.631	1.921
Tăng trưởng				
Doanh thu	-11,2%	-10,5%	19,4%	13,6%
EBITDA	42,0%	-8,6%	20,7%	17,8%
EBIT	50,0%	-5,1%	24,1%	17,2%
Lợi nhuận ròng	49,9%	-4,8%	24,0%	17,4%
Vốn chủ sở hữu	2,6%	0,4%	6,5%	7,9%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	6,9%	-1,7%	5,6%	9,1%
Định giá				
P/E	8,2	10,8	11,7	8,5
P/B	3,2	4	5	3,9
Giá/Doanh thu	1,7	2,3	2,6	1,9
Tỷ suất cổ tức	12,1%	9,2%	6,9%	10,1%
EV/EBITDA	4,4	6,6	7,6	4,9
EV/Doanh thu	1,3	1,9	2,2	1,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41,0%	43,1%	46,1%	47,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	25,3%	26,6%	27,9%	27,7%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	20,2%	21,5%	22,3%	23,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	13,1%	12,0%	12,9%	13,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,1%	2,6%	3,0%	2,8%
ROE	39,2%	36,8%	44,0%	48,2%
ROA	33,0%	30,7%	37,4%	40,8%
ROIC	38,4%	36,0%	43,2%	47,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư
Phạm Lưu Hưng
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711
Chiến lược thị trường
Đào Minh Châu
Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư
chaudm@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu
Nguyễn Thị Anh Thu
Chuyên viên hỗ trợ
thunta2@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321